

Rx: Thuốc bán theo đơn

Novoliver

L-arginin HCl 500 mg

30 capsules



Thành phẩm:
Mỗi viên chứa 500 mg L-arginin hydrochlorid.

Chỉ định:
Novoliver được dùng trong các trường hợp:
- Điều trị duy trì tăng amoniac máu ở bệnh nhân thiếu carbamylphosphat synthetase, thiếu ornithin carbamyl transferase.
- Điều trị duy trì cho bệnh nhân tăng amoniac máu bị citrulin máu, argininosuccinic niệu.
- Điều trị hỗ trợ các rối loạn khó tiêu.
- Điều trị hỗ trợ rối loạn chức năng gan: Tăng men gan, nổi mề đay, mẩn ngứa, mệt mỏi, vàng da, chán ăn...
- Điều trị hỗ trợ nhằm cải thiện khả năng luyện tập ở những người bị bệnh tim mạch ổn định.
- Bổ sung dinh dưỡng cho người bị rối loạn chu trình ure như tăng amoniac máu tụy I và II, tăng citrulin máu, argininosuccinic niệu và thiếu men N-acetyl glutamate synthetase.
- Hỗ trợ chức năng sinh lý nam. Hỗ trợ điều trị rối loạn cương dương.
- Giúp tăng số lượng và chất lượng tinh trùng.
- Tăng tuần hoàn máu giúp cung cấp năng lượng, giảm mệt mỏi cho người vận động cường độ cao.
- Hỗ trợ tăng cơ bắp cho người tập thể hình, vận động viên...
Liều dùng và cách sử dụng:
- Người lớn: 2 viên/lần x 3 lần/ngày, có thể tăng lên 4 viên/lần x 3 lần/ngày tùy theo tình bệnh nhân.
- Trẻ em từ 6 -> 18 tuổi:
+ Điều trị duy trì tăng amoniac máu ở bệnh nhân thiếu carbamylphosphat synthetase, thiếu ornithin carbamyl transferase; 100 mg/kg mỗi ngày, chia 2-4 lần.

+ Điều trị duy trì cho bệnh nhân tăng amoniac máu bị citrulin máu, argininosuccinic niệu: 100 - 175 mg/kg/lần; dùng 3-4 lần mỗi ngày cùng thức ăn. Hiệu chỉnh liều theo đáp ứng.

Chống chỉ định:
- Bệnh nhân quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc.
- Bệnh nhân có rối loạn chu trình ure do thiếu hụt arginase.
- Tăng amoniac huyết do nhiễm acid hữu cơ trong máu.

Thận trọng:
- Nên ngừng thuốc nếu có tiêu chảy xảy ra.
- Arginin có thể làm thay đổi tỉ lệ giữa kali ngoại bào và nội bào, nồng độ kali huyết tương có thể tăng khi dùng arginin ở những bệnh nhân suy thận. Nên thận trọng khi dùng arginin cho những bệnh nhân bị bệnh thận hay bị khó tiêu.
- Khi dùng arginin liều cao để điều trị nhiễm amoniac huyết cấp tính có thể gây nhiễm acid chuyển hóa do tăng do huyết, do đó, nên theo dõi nồng độ clo và bicarbonat huyết tương và đồng thời bổ sung iuron bicarbonat tương ứng.
- Arginin chứa một hàm lượng cao nitrogen chuyển hóa, nên đánh giá tác động tạm thời lượng cao nitơrog trên thận trước khi bắt đầu điều trị với arginin.
- Arginin không có hiệu quả điều trị chứng tăng amoniac huyết do rối loạn acid hữu cơ huyết, không nên dùng trong trường hợp rối loạn tiêu...
- Không dùng arginin hydrochlorid đối với bệnh nhân có cơ địa dị ứng. Thuốc không histamin được dùng nội phân ứng dị ứng xảy ra.
- Sản phẩm chứa paraben nên có nguy cơ gây phản ứng dị ứng. Không sử dụng nếu có tiền sử dị ứng với paraben.



SDK: 89310262023

Số lô SX:
NSX:
HD:



89310262023



Nhà sản xuất:
Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC I Hà Nội
Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Để thuốc tránh xa tầm tay trẻ em

Để thuốc tránh xa tầm tay trẻ em

Để thuốc tránh xa tầm tay trẻ em

Để thuốc tránh xa tầm tay trẻ em

Tên thuốc: NOVOLIVER Thành phần: Mỗi viên song tròn chứa: Chất chủ: Arginin hydrochlorid (L-Arginin hydrochlorid) 500 mg Tá dược: Sáp ong, dầu cỏ, kechinh, dầu dừa, acesol, simethicon, gelatin, glycerin, sorbitol, methyl paraben, propyl paraben, titan dioxide, lecithin chocolate brown, vanillin, nước tinh khiết. Dạng bào chế: Viên nang mềm. Quy cách đóng gói: Hộp 30 viên nang mềm. Đặc tính dược học: Hà AIC: B05XB01 Nhóm được ủy: acid amin. Arginin là một acid amin cần thiết trong chu trình ure đối với những bệnh nhân thiếu hụt các enzym: N-acetylglutamat synthase (NAGS), carbamyl phosphat synthetase (CPS), ornithin transcarbamylase (OTC), argininosuccinat synthetase (ASS), hay argininosuccinat lyase (ASL). Dùng arginin hydrochlorid cho những bệnh nhân rối loạn như trên nhằm khôi phục nồng độ arginin trong máu giúp ngăn ngừa sự dị hoá protein. Arginin cũng cung chức năng hỗ trợ của gan, cung cấp arginin cho chu trình ure, làm giảm nồng độ amoniac trong máu, tăng tạo glutathion, do đó tăng chuyển hoá các chất độc cho gan như được phân, các yếu tố độc hại từ môi trường, thuốc lá, rượu ... Đặc tính dược động học: Arginin hydrochlorid hấp thu tốt qua đường tiêu hoá, nồng độ đỉnh trong huyết tương đạt được sau khi uống khoảng 2 giờ. Arginin hydrochlorid kết hợp chặt chẽ với nhiều anđơng sinh học. Acid amin được chuyển hoá gan tạo thành ornithin và ure bằng cách phân nhân guanidin dưới xúc tác của arginase. Arginin được lọc ở tiểu cầu thận và tái hấp thu gần như hoàn toàn ở ống thận.	Rx: Thuốc bán theo đơn	Chỉ định: Novoliver được dùng trong các trường hợp: - Điều trị duy trì tăng amoniac máu ở bệnh nhân thiếu carbamylphosphat synthetase, thiếu ornithin carbamyl transferase. - Điều trị duy trì cho bệnh nhân tăng amoniac máu bị citrulin máu, argininosuccinic niệu. - Điều trị hỗ trợ các rối loạn khó tiêu. - Điều trị hỗ trợ rối loạn chức năng gan: Tăng men gan, nổi mề đay, mẩn ngứa, mệt mỏi, vàng da, chán ăn... - Điều trị hỗ trợ nhằm cải thiện khả năng luyện tập ở những người bị bệnh tim mạch ổn định. - Bổ sung dinh dưỡng cho người bị rối loạn chu trình ure như tăng amoniac máu tụy I và II, tăng citrulin máu, argininosuccinic niệu và thiếu men N-acetyl glutamate synthetase. - Hỗ trợ chức năng sinh lý nam. Hỗ trợ điều trị rối loạn cương dương. - Giúp tăng số lượng và chất lượng tinh trùng. - Tăng tuần hoàn máu giúp cung cấp năng lượng, giảm mệt mỏi cho người vận động cường độ cao. - Hỗ trợ tăng cơ bắp cho người tập thể hình, vận động viên... Liều dùng và cách sử dụng: - Người lớn: 2 viên/lần x 3 lần/ngày, có thể tăng lên 4 viên/lần x 3 lần/ngày tùy theo tình bệnh nhân. - Trẻ em từ 6 -> 18 tuổi: + Điều trị duy trì tăng amoniac máu ở bệnh nhân thiếu carbamylphosphat synthetase, thiếu ornithin carbamyl transferase; 100 mg/kg mỗi ngày, chia 2-4 lần. + Điều trị duy trì cho bệnh nhân tăng amoniac máu bị citrulin máu, argininosuccinic niệu: 100 - 175 mg/kg/lần; dùng 3-4 lần mỗi ngày cùng thức ăn. Hiệu chỉnh liều theo đáp ứng.	Chống chỉ định: - Bệnh nhân quá mẫn với bất cứ thành phần nào của thuốc. - Bệnh nhân có rối loạn chu trình ure do thiếu hụt arginase. - Tăng amoniac huyết do nhiễm acid hữu cơ trong máu. Thận trọng: - Nên ngừng thuốc nếu có tiêu chảy xảy ra. - Arginin có thể làm thay đổi tỉ lệ giữa kali ngoại bào và nội bào, nồng độ kali huyết tương có thể tăng khi dùng arginin ở những bệnh nhân suy thận. Nên thận trọng khi dùng arginin cho những bệnh nhân bị bệnh thận hay bị khó tiêu. - Khi dùng arginin liều cao để điều trị nhiễm amoniac huyết cấp tính có thể gây nhiễm acid chuyển hóa do tăng do huyết, do đó, nên theo dõi nồng độ clo và bicarbonat huyết tương và đồng thời bổ sung iuron bicarbonat tương ứng. - Arginin chứa một hàm lượng cao nitrogen chuyển hóa, nên đánh giá tác động tạm thời lượng cao nitơrog trên thận trước khi bắt đầu điều trị với arginin. - Arginin không có hiệu quả điều trị chứng tăng amoniac huyết do rối loạn acid hữu cơ huyết, không nên dùng trong trường hợp rối loạn tiêu... - Không dùng arginin hydrochlorid đối với bệnh nhân có cơ địa dị ứng. Thuốc không histamin được dùng nội phân ứng dị ứng xảy ra. - Sản phẩm chứa paraben nên có nguy cơ gây phản ứng dị ứng. Không sử dụng nếu có tiền sử dị ứng với paraben.
Tác dụng không mong muốn: Thường gặp: ADR > 1/100 Hiếm gặp: ADR < 1/1000 - Đau bụng, buồn nôn, nôn. - Nổi mề đay - chấy ngứa: Tăng thân nhiệt. - Đau bụng, kích thích tĩnh mạch cục bộ. - Giảm áp lực: ADR < 1/1000 - Đau đầu, chóng mặt. - Giảm huyết áp, viêm tĩnh mạch. - Tăng huyết áp, tăng thân nhiệt và giảm FEV1 (thể tích thở ra gắng sức trong 1 phút) ở bệnh nhân hen. - Đau họng: Có cũng có bụng và trường hợp ở bệnh nhân có sơ nang. - Nổi mề đay - chấy ngứa: Gây giải phóng hormon tăng trưởng, insulin, glucagon, prolactin. Tăng kali huyết ở người có bệnh gan, thận, đái tháo đường. Giảm phospho huyết ở bệnh nhân đái tháo đường. - Tụt nhiệt: Tăng mức nước tiểu huyết và creatinin huyết thanh. Thuận lợi cách sử dụng: - Phân ứng dị ứng thuốc, ban đỏ và sưng tấy ở tay và mắt giảm nhanh sau khi ngừng thuốc và dùng diphenhydramin. Thông báo nguy cơ hoặc chỉ những tác dụng không mong muốn gặp phải khi sử dụng thuốc		Tương tác với các thuốc khác: Thuốc tránh thai uống kết hợp estrogen và progestogen có thể làm tăng đáp ứng của hormon tăng trưởng và làm giảm đáp ứng của glucagon và insulin với arginin. Nồng độ insulin trong huyết tương sau sự kích thích của arginin có thể được tăng lên bởi thuốc lợi tiểu thiazid, xylitol và aminophyllin. Hai thuốc sau cũng làm giảm đáp ứng của glucagon với arginin. Dùng thời gian dài sulfonamide, thuốc chẹn bệnh đái tháo đường uống, có thể ngăn cản đáp ứng của glucagon trong huyết tương với arginin. Phenytoin làm giảm đáp ứng của insulin trong huyết tương với arginin, khi bệnh nhân không dùng nạp glucose được nạp glucose. Tăng kali huyết nặng xảy ra sau liệu pháp arginin điều trị nhiễm kềm chuyển hóa ở bệnh nhân bị bệnh gan nặng với một dòng spironolactone. Bệnh nhân dùng thuốc lợi tiểu giảm tiêu hao kali có nguy cơ cao bị tăng kali huyết gây bởi arginin, và vì thế tránh kết hợp các thuốc này. Quá liều và xử trí: Quá liều có thể dẫn đến nhiễm acid chuyển hóa nhất thời với chứng thể quá nhanh. Nhiễm acid sẽ được bù chính và sự thiếu hụt cơ bản sẽ trở lại bình thường sau khi hoàn thành việc truyền. Nếu tình thể kéo dài, nên xác định và xử trí hậu quả và hiệu chỉnh dùng khi liều được tính toán của các nhân kiềm hóa. Các báo cáo về quá liều xảy ra ở trẻ em. Phải hết sức thận trọng khi truyền tĩnh mạch dịch arginin hydrochlorid cho trẻ em có thể dẫn đến nhiễm acid chuyển hóa tiêu chuẩn, phù nướu hoặc có thể chết. Một thuốc kháng histamin thích hợp nên có sẵn để dùng trong trường hợp phản ứng dị ứng xảy ra. Sử dụng thuốc cho phụ nữ có thai và cho con bú: Thời kỳ mang thai Những nghiên cứu về sinh sản đã được tiến hành trên thú và chuột ở liều cao gấp 12 lần liều dùng cho người và không thấy biểu hiện nào về sự suy giảm khả năng sinh sản hay tổn hại đến bào thai do arginin. Chưa có	nguyên cứu đầy đủ và có kiểm soát trên phụ nữ có thai. Vì những nghiên cứu về sinh sản trên động vật thí nghiệm phải tuân thủ đạo đức bào được đáp ứng trên người do đó không nên dùng thuốc trong suốt thời kỳ mang thai. Thời kỳ cho con bú Các acid amin được bài tiết vào sữa mẹ với lượng rất ít không thể gây hại cho trẻ. Tuy nhiên, nên thận trọng khi dùng thuốc trên phụ nữ cho con bú. Ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc: Không ảnh hưởng đến khả năng lái xe và vận hành máy móc. Rào cản: Trong bao bì kín, tránh ẩm, tránh ánh sáng, nhiệt độ dưới 30°C. Hạn dùng: 24 tháng kể từ ngày sản xuất. Để thuốc tránh xa tầm tay trẻ em Nhà sản xuất:  Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC I Hà Nội Cụm công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội Ngày xem xét sửa đổi cập nhật lại nội dung hướng dẫn sử dụng thuốc: 22/6/2017. E3-17-010224-T03485-C00109

10 mm

10 mm

E3-17-010224-T03485-C00109